

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2016/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 5 năm 2016
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhấn
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ngọc Hà
2. Bà Châu Hồng Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 25/5/2016, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 45/2015/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2016/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2016, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lâm Thị K**, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp Sóc Mới, xã L.P, huyện L.P, tỉnh S.T (có mặt).

2. Bị đơn: **Mai N**, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp P.Q, xã P.T, huyện C.T, tỉnh S.T (Có mặt).

NHẬN THẤY :

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lâm Thị K trình bày: Bà K và ông Mai N tự nguyện chung sống với nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và kết hôn ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L.P, huyện L.P, tỉnh S.T. Trong quá trình chung sống bà K và ông N không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có. Do không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu

thuần dẫn đến sự bất hòa, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau và thường xuyên cãi vã nhau, sau đó ông N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống; Bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà K và ông N không còn sống chung với nhau và ly thân gần 07 năm nay.

Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân được ly hôn với ông Mai N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Mai N trình bày: Ông Mai N đều thống nhất phần trình bày của bà Lâm Thị K về thời sống chung, thời gian kết hôn, ông N xác nhận từ khi kết hôn với nhau đến nay, ông bà không có con chung. Về tài sản chung, về nợ chung cũng chưa tạo lập được tài sản gì và không thiếu nợ ai. Nguyên nhân mâu thuẫn cũng như lời trình bày của bà K. Từ đó ông và bà K đã ly thân không còn sống chung với nhau gần 07 năm nay, như lời trình bày của bà K.

Tại phiên hòa giải ở Tòa án ngày 27/4/2016, ông N không đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà K, ông cho rằng mâu thuẫn xảy ra không lớn nên muốn hàn gắn đoàn tụ, vì ông N còn thương vợ, vì do cha mẹ hai bên ngăn cản, từ đó kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

XÉT THẤY :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị K và ông Mai N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo bà K cho rằng do không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sự bất hòa, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau và thường xuyên cãi vã nhau, sau đó ông N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống; Bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà K và ông N không còn sống chung với nhau và ly thân gần 07 năm nay. Nay bà K làm đơn xin ly hôn với ông N, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông N thì ông không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn đoàn tụ, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn cuộc hôn nhân bằng việc tổ chức hòa giải nhằm để động viên vợ chồng hàn gắn, nhưng bà K vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng không thể nào sống chung với ông N được nữa. Ông N cũng thừa nhận do mâu thuẫn trên dẫn đến ông và bà K ly thân gần 07 năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà K, ông N khó

có thể hàn gắn vì đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng kết hôn vào ngày 09/02/2009, sau đó bà K và ông N ly thân gần 07 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị K cho bà được ly hôn ông Mai N.

Tại phiên tòa hôm nay, bà K và ông N đều thừa nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, bà K và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Lâm Thị K phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 8, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng Khoản 1, Điều 27; Điểm a, Khoản 1, Điều 33; các Điều 131, 243 và Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;
- Áp dụng Điều 42 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và Lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị K được ly hôn ông Mai N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, Bà K và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009597, ngày 22/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ông Mai N không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện KSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND cấp xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhẫn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kế Sách, ngày 25 tháng 5 năm 2016

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Về vụ án tranh chấp ly hôn, giữa:**

- Nguyên đơn: **Lâm Thị K**
- Bị đơn: **Mai N**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhân**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lâm Ngọc Hà** và bà **Châu Hồng Hoa**

Sau khi thảo luận, xem xét đánh giá toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận, HĐXX biểu quyết 3/3 thống nhất với các nội dung phán quyết như sau:

- Áp dụng Khoản 1, Điều 27; Điều a, Khoản 1, Điều 33; các Điều 131, 243 và Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;
- Áp dụng Điều 42 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Khoản 8, 10 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và Lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị K được ly hôn ông Mai N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, Bà K và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009597, ngày 22/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ông Mai N không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Biên bản làm xong, đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA